

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 137/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định việc phân cấp quản lý nhà nước
đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp
công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước giữa Chính phủ với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương.

2. Việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia; tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; tài nguyên thiên nhiên và đất đai khác thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Nghị định này, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Nghị định này bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước.

2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập) được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập là những tài sản Nhà nước giao cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng gồm:

a) Đất đai;

b) Nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai;

c) Các tài sản khác gắn liền với đất đai;

d) Phương tiện giao thông vận tải, máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác.

2. Tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật là tài sản không có nguồn gốc là tài sản của Nhà nước nhưng theo quy định của pháp luật đến thời điểm nhất định, tài sản này được xác lập là tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước.

3. Tài sản chuyên dùng là những tài sản mà công dụng của nó chỉ dùng để phục vụ cho hoạt động đặc thù của một ngành, một lĩnh vực nhất định.

4. Đất đai khác là đất đai không thuộc khuôn viên trụ sở, cơ sở hoạt động của các cơ quan, đơn vị và tổ chức kinh tế của Nhà nước.

5. Đặc thù là đặc điểm riêng có của một ngành, một lĩnh vực, địa phương mà các ngành khác, lĩnh vực khác, địa phương khác không có.

6. Phương án xử lý tài sản nhà nước là tập hợp các đề xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hình thức xử lý đối với tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật: thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi hình thức sở hữu, bán, thanh lý, tiêu hủy.

Điều 4. Nội dung phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước, gồm:

1. Phân cấp về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản nhà nước.

2. Phân cấp về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, xử lý tài sản nhà nước, gồm:

a) Đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

- b) Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước;
 - c) Quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản nhà nước;
 - d) Quyết định chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước;
 - đ) Quyết định bán tài sản nhà nước;
 - e) Quyết định thanh lý tài sản nhà nước;
 - g) Quản lý các nguồn tài chính phát sinh trong quá trình quản lý, xử lý tài sản nhà nước;
 - h) Kiểm kê, thống kê tài sản nhà nước;
 - i) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
3. Phân cấp về thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản.

Điều 5. Tài sản nhà nước do Chính phủ quản lý; tài sản nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý

1. Tài sản nhà nước do Chính phủ quản lý bao gồm:
- a) Tài sản nhà nước do cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương quản lý, sử dụng;
 - b) Tài sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc trung ương quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật.
2. Tài sản nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý bao gồm:
- a) Tài sản nhà nước do cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức thuộc địa phương quản lý, sử dụng;
 - b) Tài sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc địa phương quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. Tài sản thuộc sở hữu nhà nước giao cho tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp quản lý, sử dụng thì không thuộc quyền sở hữu của tổ chức đó. Tài sản này do Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.
4. Tài sản nhà nước đã chuyển giao quyền sở hữu cho tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp là tài sản thuộc sở hữu của tổ chức đó.

Điều 6. Quyền hạn, trách nhiệm về quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước trên phạm vi cả nước.

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương có trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm:

a) Thống nhất quản lý tài sản nhà nước do các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng;

b) Sau khi xin ý kiến và thống nhất với Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định phân cấp cho các cơ quan thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện quản lý đối với tài sản nhà nước do địa phương quản lý.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

TẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 7. Đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Những tài sản phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô các loại;

c) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao trực tiếp quản lý, sử dụng những tài sản quy định tại khoản 1 Điều này phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước với cơ quan Tài chính. Trường hợp phát hiện đơn vị không thực hiện đăng ký, cơ quan Tài chính được phép ngừng cấp kinh phí phục vụ hoạt động của những tài sản phải đăng ký nhưng không đăng ký; đồng thời thực hiện chế độ xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Đối với những tài sản cố định khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập phải lập Thẻ tài sản cố định để theo dõi, hạch toán và thực hiện chế độ quản lý tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước cụ thể như sau:

a) Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương đăng ký tại Bộ Tài chính;

b) Đối với các tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương đăng ký tại cơ quan quản lý tài chính của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;

c) Đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương đăng ký tại Sở Tài chính.

5. Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục đăng ký tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản nhà nước

1. Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, điện thoại, xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo, xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và một số tài sản khác khi thấy cần thiết.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng phục vụ cho hoạt động đặc thù của cơ quan mình sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng phục vụ cho hoạt động đặc thù ở địa phương mà trung ương chưa quy định.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước

1. Đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Đối với tài sản là phương tiện giao thông vận tải, máy móc, trang thiết bị làm việc và các động sản khác, thẩm quyền quyết định mua sắm được quy định như sau:

a) Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức quy định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp quyết định mua sắm tài sản cho các cơ quan hành chính thuộc phạm vi quản lý theo dự toán ngân sách hàng năm đã được giao;

b) Trong trường hợp cần thiết cấp bách, căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước: Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định bổ sung ngân sách để mua sắm tài sản nhà nước ngoài dự toán ngân sách năm được giao của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định bổ sung ngân sách để mua sắm tài sản nhà nước ngoài dự toán ngân sách năm được giao của cơ quan hành chính thuộc địa phương quản lý;

c) Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản tại các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi:

a) Tài sản là trụ sở làm việc và các bất động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 tỷ đồng trở lên của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương hiện đang quản lý, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Trụ sở làm việc và các bất động sản khác của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý bị sử dụng không đúng mục đích nhưng địa phương không xử lý, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thu hồi:

a) Trụ sở làm việc và các bất động sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung ương quản lý;

b) Những tài sản là động sản bị sử dụng không đúng mục đích, sử dụng vượt tiêu chuẩn định mức do Thủ tướng Chính phủ quy định.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, quyết định thu hồi đối với những tài sản không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp mình quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định thu hồi tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý theo thẩm quyền trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

b) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thu hồi những tài sản của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung ương quản lý đặt tại địa phương bị sử dụng sai mục đích, sai chế độ nhà nước quy định nhưng không được cơ quan có thẩm quyền xử lý.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này quyết định thu hồi tài sản sử dụng sai mục đích, sai chế độ quy định theo đề nghị của cơ quan tài chính cùng cấp.

6. Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tài sản nhà nước bị thu hồi.

Điều 11. Thẩm quyền điều chuyển tài sản nhà nước

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản là bất động sản (bao gồm cả quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 tỷ đồng trở lên:

a) Giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương liên quan và Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Giữa các cơ quan trung ương với địa phương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan và Bộ trưởng Bộ Tài chính;

c) Giữa các địa phương sau khi có sự thống nhất và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển đối với những tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương có liên quan;

b) Giữa các cơ quan trung ương với địa phương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan;

c) Giữa các địa phương sau khi có sự thống nhất và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, quyết định điều chuyển tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật giữa cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi nội bộ Bộ, ngành quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý theo thẩm quyền trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan;

b) Quyết định chuyển giao quyền quản lý, sử dụng trụ sở làm việc (có nguồn gốc là tài sản nhà nước, tài sản được xác lập sở hữu của nhà nước) cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương quản lý, đang trực tiếp sử dụng (đang ký hợp đồng thuê nhà với Công ty kinh doanh nhà của địa phương), trên cơ sở phương án tổng thể về xử lý, bố trí, sắp xếp lại các cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh của Bộ, cơ quan chủ quản.

Điều 12. Bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu đối với tài sản là bất động sản (bao gồm cả quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 tỷ đồng trở lên của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu theo quy định của pháp luật đối với:

a) Tài sản là bất động sản (bao gồm cả quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 tỷ đồng của các cơ quan hành chính thuộc trung ương quản lý theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;

b) Tài sản là động sản thuộc phạm vi quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu theo quy định của pháp luật đối với những tài sản là động sản của các cơ quan hành chính thuộc phạm vi quản lý, trừ những tài sản là động sản quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu đối với tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính thuộc địa phương quản lý theo thẩm quyền trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị liên quan và Giám đốc Sở Tài chính.

5. Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước và quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản nhà nước.

6. Thẩm quyền quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Thanh lý tài sản nhà nước

1. Căn cứ vào chế độ quy định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương quyết định việc thanh lý tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý, gồm:

a) Nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nhà, công trình xây dựng khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng, bị hư hỏng không còn sử dụng được hoặc nếu tiếp tục sử dụng phải chi phí lớn, không có hiệu quả;

c) Tài sản là động sản.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này tại các cơ quan hành chính thuộc Trung ương quản lý theo đề nghị của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản nhà nước đối với tài sản của các cơ quan hành chính thuộc địa phương quản lý theo thẩm quyền trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

4. Thẩm quyền thanh lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thanh lý tài sản và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý tài sản nhà nước.

Điều 14. Kiểm kê, thống kê tài sản nhà nước

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định tổng kiểm kê, đánh giá lại tài sản nhà nước.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều tra thống kê tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm kê tài sản nhà nước tại đơn vị định kỳ hàng năm theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

Điều 15. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trong phạm vi cả nước;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức thuộc cấp mình quản lý;

c) Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, tổ chức kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các đơn vị trực thuộc.

2. Khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, cơ quan thanh tra, kiểm tra có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra xuất trình các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước. Nếu phát hiện vi phạm, có quyền xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Điều 16. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu tài sản của Nhà nước

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước:

a) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung quỹ đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với tài sản của người bị kết án được thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự;

c) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với vật chứng vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Đối với các tài sản khác:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với:

- Tài sản của các dự án sử dụng vốn ngoài nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

- Tài sản được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu dưới các hình thức biếu, tặng, cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được giao và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; quyết định hoặc phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với vật bị chôn giấu, chìm đắm, vật bị đánh rơi, bỏ quên được tìm thấy;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với:

- Bất động sản trên địa bàn được xác định là vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu;

- Di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản;

- Tài sản của các dự án sử dụng vốn ngoài nước do địa phương quản lý sau khi kết thúc hoạt động được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam;

- Tài sản được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu dưới hình thức biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật cho các tổ chức thuộc địa phương.

Điều 17. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản:

Cơ quan đang quản lý hoặc được giao tạm quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án xử lý đối với tài sản là di sản văn hoá vật thể bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phương án xử lý theo quy định của pháp luật đối với:

- Tài sản quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này do cơ quan nhà nước ở Trung ương quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

- Tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

c) Người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định này thì có quyền quyết định phương án xử lý tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp (trừ trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định xác lập và phê duyệt phương án xử lý tài sản). Riêng trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định phương án xử lý tài sản, phải có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với:

- Tài sản quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này do cơ quan nhà nước ở địa phương quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

- Tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

Điều 18. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Phân cấp nguồn thu từ việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước:

a) Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập sở hữu của Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương phê duyệt phương án xử lý nộp toàn bộ vào ngân sách trung ương, sau khi trừ đi các chi phí hợp lý có liên quan;

b) Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập sở hữu của Nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý nộp toàn bộ vào ngân sách địa phương, sau khi trừ đi các chi phí hợp lý có liên quan.

2. Phân cấp nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước:

a) Chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được sử dụng từ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản;

b) Trường hợp xử lý tài sản không có nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí, thì chi phí do ngân sách nhà nước chi trả. Tài sản do cấp nào xử lý thì chi phí do ngân sách cấp đó chi trả;

c) Trường hợp tài sản điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước, thì chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản do cơ quan, đơn vị, tổ chức được tiếp nhận tài sản chi trả.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 19. Tổ chức thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước trong phạm vi cả nước.

Bộ Tài chính có trách nhiệm giúp Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước trong phạm vi cả nước; báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện phân cấp và tình hình quản lý sử dụng tài sản nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của Chính phủ.

Cơ quan tài chính giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện phân cấp quản lý tài sản, thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo phân cấp; báo cáo cơ quan có thẩm quyền tình hình thực hiện phân cấp và tình hình quản lý sử dụng tài sản nhà nước ở địa phương.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước do Chính phủ quản lý.

2. Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương. Kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 21. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo phân cấp quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quyết định việc đầu tư xây dựng, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu, góp vốn liên doanh, liên kết, thanh lý tài sản nhà nước của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp mình quản lý, theo quy định của pháp luật và thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

3. Tổ chức triển khai việc phân cấp và chịu trách nhiệm về kết quả phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm khác có liên quan.

4. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của mình theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Căn cứ quyết định thu hồi hoặc điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với phần diện tích đất gắn với tài sản nhà nước bị thu hồi hoặc điều chuyển (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước.

2. Sử dụng tài sản nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

3. Thực hiện kê khai đăng ký, báo cáo tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

4. Công khai tiêu chuẩn, định mức, tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, đơn vị.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 23. Hành vi bị coi là vi phạm pháp luật về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Quyết định đầu tư xây dựng mới, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu, thanh lý tài sản nhà nước không đúng tiêu chuẩn định mức, không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện chế độ kê khai đăng ký, báo cáo tài sản nhà nước theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các hành vi khác vi phạm quy định tại Nghị định này.

Điều 24. Xử lý vi phạm về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Việc quyết định đầu tư xây dựng mới, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu, thanh lý tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức và không đúng thẩm quyền do Nhà nước quy định sẽ bị:

a) Thu hồi lại tài sản đã đầu tư xây dựng mới, mua sắm để điều chuyển cho các tổ chức, cá nhân có tiêu chuẩn, định mức được sử dụng;

b) Đình chỉ việc khởi công xây dựng hoặc đình chỉ xây dựng đối với công trình đang xây dựng nhưng mức đầu tư vượt quá tiêu chuẩn, định mức quy định của Nhà nước;

c) Người ra quyết định đầu tư xây dựng mới, mua sắm tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức phải chịu xử lý kỷ luật, phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của pháp luật đối với sai phạm mà mình gây ra. Kho bạc Nhà nước được quyền từ chối thanh toán đối với các trường hợp sai phạm này.

2. Cơ quan, tổ chức không thực hiện đăng ký, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định sẽ bị xử lý như sau:

a) Cơ quan Kế hoạch đầu tư, cơ quan Tài chính và các cơ quan khác theo thẩm quyền từ chối phê duyệt quyết định đầu tư, cải tạo nâng cấp, sửa chữa tài sản; từ chối cấp kinh phí để thực hiện việc đầu tư, cải tạo nâng cấp, sửa chữa, mua sắm tài sản của đơn vị;

b) Xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;

c) Thu hồi những tài sản sử dụng sai chế độ, sai mục đích theo quy định tại Nghị định này.

3. Cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước, được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Khiếu nại

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước bị xử lý, nếu không đồng ý với quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Việc giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Điều 9, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Ban Điều hành 112, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng